

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HS-ST

Ngày: 11-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2018/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2018/HSST-QĐ ngày 21/8/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Quang Xuân P; sinh năm 1994 tại tỉnh Đ N; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quang Ngọc L, sinh năm 1957 và bà Đào Thị P, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không, tiền án: 01 tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2011/HSST ngày 03/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện C xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2011, về trách nhiệm dân sự bị cáo chưa chấp hành xong; nhân thân: Tại bản án số 272/2013/HSST, ngày 29/10/2013 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 138/2015/HSST, ngày 17/7/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận 8, thành phố H xử phạt 03 (ba) năm tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của 02 bản án trên; bị cáo bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 07/3/2018; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N (vắng mặt).

2. Ông Hà Đăng T.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N (có mặt).

3. Anh Hà Đăng V.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N (vắng mặt).

4. Anh Hà Tiến Đ, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N (vắng mặt).

5. Chị Hà Châu Gi.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Quốc T.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N (vắng mặt).

Người có quyền lợi liên quan: Ông Lê Văn U'.

Địa chỉ: Thôn 7, xã H P, thành phố B, tỉnh Đ L (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Hữu T.

Địa chỉ: SN 323 đường L, thành phố B, tỉnh Đ L (vắng mặt).

2. Anh Trần S.

Địa chỉ: SN 22 đường L, thành phố B, tỉnh Đ L (vắng mặt).

3. Anh Lư Ngọc P.

Địa chỉ: Thôn 01, xã H, thành phố B, tỉnh Đ L (vắng mặt).

4. Anh Trịnh Duy H

Địa chỉ: Thôn 11, xã, thành phố B, tỉnh Đ L (vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Trung H

Địa chỉ: Thôn 12, xã H, thành phố B, tỉnh Đ L (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Văn D.

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đ L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 29 tháng 03 năm 2012, Quang Xuân P rủ Lư Ngọc P, Trịnh Duy H, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trung H đi cướp tài sản tại huyện C, tỉnh Đ N thì tất cả đều đồng ý và chuẩn bị các loại công cụ để đi cướp gồm: 04 (bốn) con dao (loại dao Thái Lan), 05 (năm) đôi bao tay, 05 (năm) khẩu trang bịt mặt, 02 (hai) cuộn băng keo trong, 02 (hai) bơm kim tiêm và 01 (một) ổ khóa. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, P, P, H, D và H đi đến nghĩa địa xã H, thành phố B, P lấy 04 (bốn) con dao ra phát cho mỗi người một con, đưa cho D 02 (hai) cuộn băng keo. Sau khi phát công cụ xong thì tất cả đợi đến khuya để đi cướp tài sản, trong lúc chờ đợi P và P cùng nhau đi lấy thêm 01 (một) kim cộng lực và 01 (một) cà lê 19 tại nhà người quen của P (hiện nay P không nhớ chính xác). Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, P, P, H, D và H cùng nhau đi bằng hai xe mô tô sang huyện C, tỉnh Đ N, đến nhà bà Nguyễn Thị Thu H tại tổ dân phố 08, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N. Lúc này khoảng 00 giờ ngày 30/3/2012, do còn sớm nên P dẫn P, H, D và H đi đến sau nhà thờ P L đợi được khoảng 30 phút, thì tất cả quay lại nhà bà H và để xe máy cách nhà bà H khoảng 50m. Sau đó P dẫn P, H, D, H đi bộ vào

khu vực nhà bà H, khi đến bên hông nhà tại vị trí phòng ngủ của vợ chồng bà H có một cửa thông gió, P bảo H công P để P leo vào bên trong nhà qua cửa thông gió, còn H, P, D đi ra cửa phía sau nhà đợi P vào mở cửa rồi cùng nhau vào, công P xong H cũng đi ra cửa sau cùng chỗ mà P, H, D đang đứng. Sau khi vào được bên trong nhà, P đi ra cửa ở nhà vệ sinh và mở cửa phía sau nhà để P, H, D, H đi vào nhà bà H. Khi vào đến phòng ngủ nơi con trai bà H là Hà Tiến Đ và em trai của bà Hương là Nguyễn Quốc T đang ngủ trong phòng, P phân công H đứng canh cửa, P đứng canh cửa ở phòng ngủ nơi chồng của bà H là ông Hà Đăng T đang ngủ, còn P, D, H đi lên phòng khách nhà bà H để lục soát tìm kiếm tài sản, sau đó P cũng đi lên cùng P, H và D để tìm tài sản. Sau khi lục soát tài sản trong nhà bà H thì P lấy được 02 chìa khóa của 02 xe máy Attila và Sirius, Dũng tìm thấy chìa khóa cửa phòng khách đưa cho P mở cửa ra dắt chiếc xe Sirius, còn Dũng dắt chiếc xe Attila ra ngoài khu vực gần xe mà các đối tượng đã đi đến để ở ngoài trước đó, còn H và P thấy vậy nên cũng đi ra theo P và D. Sau khi dắt xe ra ngoài thì P, D, P, H lại tiếp tục vào nhà bà H để lục soát tài sản có giá trị để lấy, khi vào tới trong nhà tất cả đều đi tìm tài sản có giá trị, D tìm được tại phòng ngủ của ông T, một cái ví bên trong có 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng), P lấy được 02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA X1 và NOKIA 1280; 01 (một) sợi dây chuyền; 03 (ba) chiếc nhẫn đeo tay trên bàn trang điểm. Tìm không thấy tài sản có giá trị nào khác P bảo D, H vào bên trong phòng dùng dao không chế ông T để lấy tiền trong két sắt, còn P và P vào phòng nơi bà H và con gái là Hà Châu Gi đang ngủ để không chế bà H và Gi, còn H đứng canh cửa phòng nơi con trai bà H ngủ. Sau khi dùng dao không chế được bà H, P và P dẫn bà H đi sang phòng ngủ của ông T, lúc này D và H đã dùng dao không chế được ông T, P yêu cầu bà H mở két sắt để lấy tiền, sau đó bà H sợ quá, nên mở két sắt ra thì P lấy được một ví da và đưa cho D mở ra thấy bên trong có tiền và một số giấy tờ tùy thân nên D bỏ vào trong túi áo khoác, P yêu cầu bà H tiếp tục mở một ngăn nhỏ còn lại của két sắt để tìm tài sản khác nhưng không có. Sau đó P, P, D, H dẫn bà H cùng ông T và cháu Gi sang phòng ngủ bên cạnh và dùng băng keo, dây vải và dây da của chiếc cặp trói tay và chân của bà H, ông T lại; khi trói bà H và ông T xong thì P, P, D, H và H đi ra chỗ để xe để tẩu thoát. D điều khiển xe Attila mới lấy được tại nhà bà H chở H, P điều khiển xe Sirius, H đi xe của D và P đi xe của P đi về hẹn gặp nhau tại nghĩa địa xã H, thành phố B, tỉnh Đ L, để cất dấu những công cụ gây án và kiểm tra tài sản đã cướp được gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, 01 (một) dây chuyền, 03 (ba) nhẫn đeo tay, số tiền 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng) trong ví tại phòng ngủ ông T, số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) trong ví tại két sắt, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius.

Sau khi về đến nghĩa địa xã H, thành phố B, P, P, H, D, H kiểm tra thấy 03 (ba) nhẫn đeo tay và 01 (một) dây chuyền bằng kim loại không có giá trị nên đã vứt đi; đối với số tiền 1.670.000đ (một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), H lấy 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để đổ xăng, số tiền còn lại chia đều tiêu xài cá nhân hết; đối với 01

(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1 thì P lấy sử dụng; đối với 1 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 thì H đã làm rơi trên đường. Đối với 02 (hai) xe mô tô là Attila và Sirius, P, H và D mang lên quán cà phê số 50, đường Y, thành phố B, tỉnh Đ L để gửi nhờ Lư Ngọc P, nhưng sau đó có Nguyễn Hữu T hỏi P để mua chiếc xe Attila, vì không đủ tiền nên T đã đưa xe mô tô nhãn hiệu Wave của T và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cho P, còn P đưa xe Attila cho T để T đi bán hộ. Đến ngày 31/03/2012, T đến quán cà phê số 50, đường Y, Thành phố B, tỉnh Đ L, để lấy xe Sirius theo sự thỏa thuận giữa P và T, sau đó T mang 02 (hai) xe mô tô nhãn hiệu Attila và Sirius đến gửi nhà Trần S và mượn của S số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), khi nào bán được xe thì T sẽ trả tiền cho S. Đến ngày 04/4/2012, Nguyễn Hữu T đã mang 02 (hai) xe mô tô nhãn hiệu Attila và Sirius giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Quang Xuân P bỏ trốn xuống thành phố H lấy tên là Phạm Xuân H và tiếp tục phạm tội, bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố H và Tòa án nhân dân quận 8, thành phố H xử phạt về tội Trộm cắp tài sản. Quá trình chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức, Phạm Xuân H khai nhận có tên thật là Quang Xuân P (SN: 22/8/1994, trú tại: Tổ 03, khối 07, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N; dân tộc: Thái) là người đã thực hiện hành vi Cướp tài sản vào ngày 30/3/2012 tại nhà ông Hà Đăng T và bà Nguyễn Thị Thu H, trú tại tổ dân phố 08, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N cùng với Lư Ngọc P, Trịnh Duy H, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trung H.

Theo kết luận giám định số 08/GĐĐV-PC54 ngày 12/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ N kết luận dấu vân tay trên danh chỉ bản của Phạm Xuân H và dấu vân tay trên danh chỉ bản của Quang Xuân P là dấu vân tay của cùng một người in ra, như vậy Phạm Xuân H có tên thật là Quang Xuân P (SN: 28/8/1994, trú tại: Tổ 03, khối 07, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N; dân tộc: Thái). Hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ban hành công văn đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với 02 (hai) bản án của Tòa án nhân dân Quận 8 và Quận T, thành phố H để xét xử Quang Xuân P theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện C thu giữ gồm:

- 04 (bốn) con dao loại dao Thái Lan, trong đó 03 (ba) con dao có cán màu vàng bằng nhựa dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng rộng 02cm, dao dài 21cm; 01 (một) dao cán bằng gỗ màu nâu, cán dao dài 11,5cm, lưỡi rộng 02cm, dao dài 23cm; 04 (bốn) con dao đã qua sử dụng, trên lưỡi dao có chữ KiWi- BRAND, 02 (hai) cuộn băng keo, 01 (một) khăn vải màu xanh.

- 01 (một) cà lê làm bằng kim loại màu trắng, một đầu nhọn, một đầu có cạnh để mở ốc, cà lê dài 23cm, trên cà lê có chữ CHROME-VANADIUM.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ-đen, số máy 198180, số khung 198182, BKS: 48H2 – 8294.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu sơn nâu, số máy D001618, số khung BD001618, BKS: 48D1 – 037.66.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SKHAHI, BKS: 48F8 – 2475, số khung: HHMN7H003060, số máy: 52FMHV503060, màu sơn đen - xám.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia X1, vỏ màu đỏ - đen, số seri: 358604047949521.

- Đối với 03 (ba) nhẫn đeo tay và 01 (một) dây chuyền bằng kim loại do không có giá trị nên P, P, H, D và H đã vứt đi. Hiện Cơ quan CSĐT không thu giữ được. Trong quá trình điều tra chỉ H cho biết các tài sản là nhẫn và dây chuyền không có giá trị và không nhớ thời gian mua nên Cơ quan CSĐT không tiến hành định giá đối với các tài sản nói trên.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ màu đen các bị cáo chiếm đoạt của bà Hương, cơ quan CSĐT Công an huyện C chưa thu giữ được.

- Đối với số tiền 1.670.000đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) Lư Ngọc P, Trịnh Duy H, Nguyễn Trung H và Nguyễn Văn D đã tiêu xài cá nhân hết nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 12/04/2012 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của UBND huyện C, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 48H2 - 8294 có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 14.700.000đ (mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu sơn nâu, 48D1 - 037.66 có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 02/7/2012 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của UBND huyện C, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1, vỏ màu đỏ-đen, số seri: 358604047949521 có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu đen có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị bị cáo Quang Xuân P cùng Lư Ngọc P, Trịnh Duy H, Nguyễn Trung H và Nguyễn Văn D đã cướp là 45.020.000đ (Bốn mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 30/CTr-VKS ngày 18/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Quang Xuân P về tội “Cướp tài sản” theo các điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Quang Xuân P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố về tội “Cướp tài sản” theo các điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Tại phiên tòa người bị hại ông Hà Đăng T xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Quang Xuân P như bản cáo trạng số 30/CTr-VKS ngày 18/7/2018: Truy tố bị cáo Quang Xuân P về tội “Cướp tài sản” theo các điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi

phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Quang Xuân P phạm tội “Cướp tài sản”. Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Quang Xuân P mức án từ 08 đến 09 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2013/HSST ngày 15/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện C nên không đề nghị HĐXX xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2013/HSST ngày 15/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút và những người bị hại không yêu cầu bị cáo Quang Xuân P bồi thường gì thêm nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì. Bị cáo không bào chữa và cũng không tranh luận gì thêm mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/03/2012, tại nhà ông Hà Đăng T và bà Nguyễn Thị Thu H (địa chỉ: tổ dân phố 08, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ N) Quang Xuân P, Lư Ngọc P, Trịnh Duy H, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trung H, đã có hành vi dùng dao khống chế, dùng dây trói và băng keo bịt miệng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Đăng T và con gái ông T, bà H là Hà Châu Gi để cướp tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila BKS 48D1 - 037.66 trị giá 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng), 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 48H2 – 8294 trị giá 14.700.000đ (mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA X1, trị giá 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 trị giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và số tiền 1.670.000đ (một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản là 45.020.000đ (bốn mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ buộc tội và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần được chấp nhận. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, có đầy đủ sức khỏe nhưng không chịu lao động mà lại cùng các đối tượng khác thực hiện hành vi cướp tài sản. Vì vậy, HĐXX đã có đủ căn cứ để xác định bị cáo Quang Xuân P đã phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Có tổ chức;

...

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

...

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Chỉ vì bản tính lười lao động lại muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo và các đối tượng khác chuẩn bị dao nhọn, xi lanh là những hung khí nguy hiểm để uy hiếp tinh thần của những người bị hại, làm cho họ tê liệt ý chí kháng cự. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản công sức của người khác. Bị cáo Quang Xuân P là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo các đối tượng khác cùng tham gia thực hiện hành vi cướp tài sản. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian suy nghĩ, hối hận về việc làm sai trái của bản thân, đủ để răn đe, giáo dục bị cáo sống có ích, có ý thức tôn trọng pháp luật và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, tại phiên tòa người bị hại ông Hà Đăng T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2011/HSST ngày 03/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện C xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 15/12/2011 nhưng về phần trách nhiệm dân sự bị cáo

chưa chấp hành xong. Do đó, HĐXX áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên tính đến thời điểm phạm tội ngày 29/3/2012 bị cáo Quang Xuân P mới được 17 tuổi, 07 tháng, 07 ngày vì vậy bị cáo được áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại các Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên bị cáo Quang Xuân Phúc không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì riêng. Do đó, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2013/HSST ngày 15/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện C nên HĐXX không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2013/HSST ngày 15/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện C và những người bị hại không yêu cầu bị cáo Quang Xuân P bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Quang Xuân P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét những chứng cứ buộc tội bị cáo, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đưa ra phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên HĐXX cần xem xét khi quyết định mức hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Quang Xuân P phạm tội “Cướp tài sản”.
2. Căn cứ các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Quang Xuân P 09 (chín) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/3/2018.
3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Quang Xuân P phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Đ N;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ N;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)